

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 88/2022/DS-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Nghĩa;

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: số M đường T, phường C, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu T, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần B- chi nhánh Phú Yên; địa chỉ: số N đường H, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo văn bản uỷ quyền số 40/2022/GUQ-LPB.PY ngày 24/8/2022; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lương Công T, sinh năm 1966; cư trú tại: khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần B có cho ông Lương Công T vay số tiền 140.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD6002018174 ngày 04/4/2018, phương thức cho vay: từng lần, mục đích vay là để tiêu dùng và mua sắm đồ gia dụng, thời hạn vay 60 tháng (đến ngày 04/4/2023), lãi suất 12%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do

hai bên thoả thuận bằng 10%/năm, ngày trả tiền là ngày 15 hàng tháng, mỗi tháng trả tiền gốc 2.340.000 đồng và lãi phát sinh theo gốc còn lại. Ngân hàng đã giải ngân theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6002018174/01 ngày 04/4/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã trả được tiền gốc là 72.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh; sau đó, ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/11/2020 đến nay; Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T không thực hiện việc trả nợ đúng như cam kết trong hợp đồng. Tính đến ngày 26/8/2022, dư nợ của ông Lương Công T tại Ngân hàng là 87.169.721 đồng (Trong đó: nợ gốc 67.460.000 đồng, lãi trong hạn: 9.904.485 đồng, lãi của lãi chậm trả: 1.138.505 đồng, lãi của nợ gốc quá hạn: 8.666.731 đồng). Do đó, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lương Công T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2022 là 87.169.721 đồng, thanh toán dứt điểm một lần toàn bộ số nợ trên.

Bị đơn ông Lương Công T trình bày: Vào tháng 4/2018, ông có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 140.000.000 đồng với phương thức trả nợ là trả gốc cố định, lãi phát sinh theo dư nợ thực tế hàng tháng; ông đã thực hiện việc trả nợ đều đặn đến tháng 11/2020. Từ đó đến nay, ông và gia đình gặp khủng hoảng, khó khăn về tài chính nên không thực hiện việc trả nợ liên tục được. Tính đến ngày 26/8/2022, ông còn nợ Ngân hàng số tiền 87.169.721 đồng như người đại diện của Ngân hàng trình bày.

Vào tháng 4/2022, ông có gặp và trao đổi với cán bộ Ngân hàng để tìm biện pháp trả nợ. Sau đó, ông có trích một phần thu thập để trả nợ (1.000.000 đồng/tháng) và trả được 3 tháng (tháng 6, tháng 7 và tháng 8 năm 2022). Vì điều kiện quá khó khăn nên ông không thể đủ năng lực tài chính để trả hết số tiền còn nợ trên. Do đó, ông đề nghị Ngân hàng cho ông tiếp tục trả dần hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung ý kiến: Tính đến ngày 14/9/2022 (ngày xét xử), bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 87.819.269 đồng (Trong đó: nợ gốc 67.460.000 đồng, lãi trong hạn: 10.023.596 đồng, lãi của nợ gốc quá hạn: 9.145.966 đồng, lãi của nợ lãi chậm trả: 1.189.707 đồng). Bị đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số HDTD6002018174 ngày 04/4/2018 đã được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thì bị đơn ông Lương Công T có vay của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 140.000.000 đồng và đã được giải ngân vào ngày 04/4/2018; mục đích vay vốn để tiêu dùng và mua sắm đồ gia dụng; thời hạn vay là 60 tháng (đến ngày 04/4/2023), lãi suất 12%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay

trong hạn, lãi suất của nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm, ngày trả tiền là ngày 15 hàng tháng, mỗi tháng trả tiền gốc 2.340.000 đồng và lãi phát sinh theo nợ gốc còn lại.

Sau khi vay, bị đơn ông Lương Công T đã thực hiện việc trả nợ theo thoả thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, từ ngày 16/11/2020, bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở. Tính đến ngày 14/9/2022, bị đơn đã trả được tiền gốc là 72.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh nên còn nợ nguyên đơn số tiền 87.819.269 đồng (Trong đó: nợ gốc 67.460.000 đồng, lãi trong hạn: 10.023.596 đồng, lãi của nợ gốc quá hạn: 9.145.966 đồng, lãi của nợ lãi chậm trả: 1.189.707 đồng). Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả khoản nợ vay nói trên là có căn cứ và đúng quy định tại các điều 280, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Bị đơn thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng để vay của nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 87.819.269 đồng là đúng nhưng do gia đình quá khó khăn về tài chính nên không trả được nợ như cam kết và đề nghị được trả dần 1.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, ý kiến đề nghị của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc bị đơn ông Lương Công T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 87.819.269 (Tám mươi bảy triệu tám trăm mười chín nghìn hai trăm sáu mươi chín) đồng, (Trong đó: nợ gốc là 67.460.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 10.023.596 đồng, lãi của gốc quá hạn: 9.145.966 đồng, lãi của nợ lãi chậm trả: 1.189.707 đồng).

2. Về án phí: Bị đơn ông Lương Công T phải chịu 4.391.000 (Bốn triệu ba trăm chín mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B tiền tạm ứng án phí 1.870.000 (Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng đã nộp tại biên lai số 0005421 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa